

Bản án số: **01/2020/DS-ST**.

Ngày: 07-01-2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản và nợ hui*”.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phương Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Tiến.

Bà Trần Thị Lệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 213/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Kim L** (Huỳnh Ngọc N), sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 572/9/14 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

\* Bị đơn: Bà **Huỳnh Kim T**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 13-E6 đường Đồng Đa, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 1016 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và Số 99/1 đường Chi Lăng, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Kim L trình bày:

Do là chỗ quen biết, bà Huỳnh Kim L có cho bà Huỳnh Kim T vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 02/4/2017, bà T vay của bà L số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Ngày 02/4/2017 (dương lịch), bà T vay của bà L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

+ Ngày 26/3/2017, bà T vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tổng số tiền vay là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), mỗi lần vay đều có làm biên nhận, giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Tổng số tiền lãi bà T đã trả cho bà L từ lúc vay đến nay tổng cộng là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Sau khi vay, bà T kêu bà L vào hội hót để trả cho bà L được số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng còn lại, bà L đã đòi nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Kim L xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Huỳnh Kim T phải trả cho bà số tiền gốc nợ gốc còn lại là **230.000.000** đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu tính lãi để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ. Đồng thời, tại phiên tòa bà Huỳnh Kim L khai nhận thêm trong số tiền vay 350.000.000 đồng ban đầu, có 100.000.000 đồng là tiền nợ hội, còn nợ vay là 250.000.000 đồng; và trong số tiền nợ 230.000.000 đồng còn lại có 80.000.000 đồng là tiền nợ hội và 150.000.000 đồng là tiền nợ vay, tuy nhiên bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền nợ hội cụ thể giữa bà và bà T.

*\* Trong quá trình tố tụng và tại biên bản hòa giải ngày 11/6/2019, bị đơn bà Huỳnh Kim T trình bày:*

Bà T thừa nhận có làm biên nhận vay tiền bà L 03 lần với tổng số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) đúng như bà L đã trình bày, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Kể từ khi vay đến nay, bà T đã trả tiền lãi cho bà L tổng cộng là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng), và trả nợ gốc cho bà L được số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Bà T xác nhận còn nợ lại bà L số tiền là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Kim T xác nhận còn nợ bà Huỳnh Kim L số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) đã đóng cho bà L, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét lại. Đồng thời, bà T khai nhận thêm tại phiên tòa, trong số tiền vay

350.000.000 đồng, bà chỉ vay và có thể chấp giấy tờ đất số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), số tiền còn lại đều là nợ hui, riêng giấy tờ đất bà T đã được bà L trả lại. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đối với lời trình bày của mình.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Kim L khởi kiện bị đơn là bà Huỳnh Kim T cư ngụ tại số 13-E6 đường Đồng Đa, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; tại số 1016 Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và cư ngụ tại số 99/1 đường Chi Lăng, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, yêu cầu bà T trả tiền nợ vay và nợ hui nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim L:

Bà Huỳnh Kim L khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Kim T phải trả cho bà số tiền nợ vay là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà L đã nộp cho Tòa án 03 biên nhận nợ vào các ngày 02/4/2017, 02/4/2017 (dương lịch) và ngày 26/3/2017. Hội đồng xét xử nhận định:

Giữa bà Huỳnh Kim L và bà Huỳnh Kim T có sự thống nhất lời khai về việc: Bà Huỳnh Kim T có làm biên nhận vay tiền bà Huỳnh Kim L 03 lần với tổng số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Quá trình vay, bà T đã trả cho bà L được 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và đóng tiền lãi cho bà L được tổng số tiền là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Hiện nay, bà T còn nợ bà L số tiền gốc còn lại là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Đối với lời khai của nguyên đơn bà Huỳnh Kim L và bị đơn bà Huỳnh Kim T tại phiên tòa:

- Bà L xác định trong số tiền vay 350.000.000 đồng ban đầu, có 100.000.000 đồng là tiền nợ hui, còn nợ vay là 250.000.000 đồng; và trong số tiền nợ 230.000.000 đồng còn lại có 80.000.000 đồng là tiền nợ hui và 150.000.000 đồng là tiền nợ vay.

- Bà T xác định trong số tiền vay 350.000.000 đồng, bà chỉ vay và có thể chấp giấy tờ đất số tiền là 25.000.000 đồng, số tiền còn lại đều là nợ hui, nhưng giữa bà và Lan làm biên nhận nợ chuyển từ nợ hui sang nợ vay.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Huỳnh Kim L và bà Huỳnh Kim T đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc chơi hui và số tiền nợ hui cụ thể giữa hai bên. Tuy nhiên, giữa bà L và bà T đều thống nhất xác nhận: Bà T có nợ bà L số tiền 350.000.000 đồng, tuy lời trình bày khác nhau nhưng đều thừa nhận trong số tiền nêu trên có bao gồm cả nợ vay và nợ hui, và bà T đã trả được 120.000.000 đồng, hiện còn nợ lại bà L là 230.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, để xác định bị đơn bà Huỳnh Kim T còn nợ bà Huỳnh Kim L số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà T trả cho bà L số tiền nợ vay và nợ hui là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) là phù hợp.

[3] Xét lãi suất vay: Bà L và bà T thống nhất xác nhận thỏa thuận lãi suất vay là 5%/tháng, tổng số tiền lãi bà T đã trả cho bà L từ lúc cho vay đến nay là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng). Tuy nhiên, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét khoản tiền lãi nêu trên nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét.

[4] Về thời hạn trả nợ: Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn bà Huỳnh Kim T: Bà T xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi dứt nợ. Nguyên đơn bà Huỳnh Kim L không đồng ý và yêu cầu bà T trả một lần toàn bộ số nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét các bên không thống nhất với nhau về phương thức trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo hướng dẫn tại mục 1 Phần III của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án.

[5] Về án phí dân sự giá ngạch: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là: 230.000.000 đồng x 5% = 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Kim L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006012 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm d mục 1.3 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Kim L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui đối với bị đơn bà Huỳnh Kim T. Buộc bà Huỳnh Kim T có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Kim L số tiền nợ vay và nợ hui là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền còn nợ tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Huỳnh Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định pháp luật là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn bà Huỳnh Kim L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006012 ngày 09/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/01/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

### **\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;  
- VKSND TP.Rạch Giá;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Vũ Thị Phương Thanh**